|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA GIÁO DỤC TH-MN** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | | |
| **Trình độ đào tạo: CĐ, ĐH** | **Ngành: CĐ, ĐH Khối không chuyên LLCT** | **Mã số:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học** | **1.2. Tên tiếng Anh: Science socialism** |
| **1.3. Mã học phần:** MLCNXH.126 | **1.4. Số tín chỉ:** 02 |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Thực hành/ Thực tập: | 0/0 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác-Lênin |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Kinh tế chính trị Mác-Lênin |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXHKH, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**2.2.3. Về thái độ**

Thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Giải thích một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là sự ra đời, các giai đoạn phát triển của CNXHKH, ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKH, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin; Sứ mệnh lịch sử của GCCN; CNXHKH và TKQĐ lên CNXHKH; Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, vấn đề gia đình trong TKQĐ lên CNXH. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận về xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lý giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay. |
| CLO3 | Làm việc nhóm, làm việc độc lập; Thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập; Giao tiếp; Tổ chức các hoạt động nhóm.  Sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lý thông tin. |
| CLO4 | Vận dụng kiến thức chuyên ngành CNXHKH để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | A |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO 2 | A |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO 3 | R |  |  |  |  |  |  |  |  | I | R |  |
| CLO 4 | A |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO 5 | A |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO 6 | A |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |
| Tổng hợp học phần | A |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 7  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;  CLO7 | Điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7  Bài: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa | 50% | X | CLO 1 | *Bài kiểm tra viết cá nhân, bài tập* |
| A2.2. Tuần 15  Bài: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 50% | X | CLO 3 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài thi cuối kỳ:  Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học  Chương 2: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công dân  Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghia  Chương 5: Cơ cấu xã hội chủ nghĩa và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 4 | Thi tự luận, vấn đáp, tiểu luận |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.1)`*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội  1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học   * + 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học - một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin     2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học     3. Vai trò của C Mác và Ph. Ăngghen   1. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học      1. C Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học      2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới      3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời   1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghía xã hội khoa học  1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học | 2/0/0 | 1.1. Hiểu được khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học. Ghi nhớ được hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học và vai trò của Mác - Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.2. Hiểu được các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.3. Hiểu được đối tượng, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH | *CLO1*  *CLO2* | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1, (tài liệu [1]) trang 3-15  - Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản)  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.1. Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân  2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.1.3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay  2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay | 2/0/0 | - Giải thích được khái niệm Giai cấp công nhân và SMLS của GCCN.  - Phân tích được nội dung, đặc điểm SMLS của GCCN, những đk quy định và thực hiện SMLS của GCCN.  - Giải thích được những đặc điểm của giai cấp công nhân hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Chương 2,TL [1], tr16-20.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay  2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam  2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam  2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam  2.3.3. Phê phán một số quan điểm sai trái, xuyên tạc sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay. | 2/0/0 | - Phân tích được những điểm tương đồng, những biến đổi khác biệt của GCCN hiện nay so với GCCN thế kỷ XIX.  - Trình bày được đặc điểm, nội dung, phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN VN hiện nay.  BT- Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2, TL [1], tr21-23; chuẩn bị bài tập.  Bài tập: Phê phán những luận điệu sai trái phủ nhận SMLS của GCCN hiện nay  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.1. Chủ nghĩa xã hội  3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 2/0/0 | - Giải thích được định nghĩa về CNXH.  - Phân tích được tính tất yếu KQ của TKQĐ lên CNXH, đặc điểm TKQĐ lên CNXH.  - Giải thích được bản chất của việc quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở VN. | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr24-30  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa  3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam và phương hướng xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 2/0/0 | - Phân tích và vận dụng sáng tạo CN Mác-Lênin vào đk cụ thể của VN (đặc trưng, phương hướng)  - Phân tích được những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng giải quyết.  BT- Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  **-** Bài tập: Phân tích làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng giải quyết?  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 6 | Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa  4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ  4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa | 2/0/0 | - Giải thích được khái niệm dân chủ, sự ra đời và phát triển của dân chủ  - Giải thích và phân tích được nền dân chủ xã hội chủ nghĩa | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 7 | Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa  - Kiểm tra tín chỉ 1 | 2/0/0 | - Giải thích được sự ra đời, phát triển, bản chất của dân chủ và dân chủ XHCN.  - Giải thích được sự ra đời, bản chất, chức năng của Nhà nước XHCN  - Vận dụng và phân tích được dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1. |
| 8 | Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.3. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam  4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam  4.3.3. Phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay | 2/0/0 | - Giải thích được nền dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN  - Phân tích được những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền XHCN ở VN | CLO2  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 9 | Chương 5: Cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.1.1. Cơ cấu xã hội  5.1.2. Cơ cấu xã hội – giai cấp  5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  5.2.1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 2/0/0 | - Vận dụng, phân tích cơ cấu XH-GC và liên minh GC, TL ở Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH.  - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC, TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham giá xây dựng bài,thuyết trình, báo cáo, phản biện |  |
| 10 | Chương 5: Tiếp  5.2.2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 2/0/0 | - Giải thích được nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH  - Vận dụng, phân tích cơ cấu XH-GC và liên minh GC, TL ở Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH  - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC,TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC,TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay?  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham giá xây dựng bài, thuyết trình, báo cáo, phản biện |  |
| 11 | Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc  6.1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam | 2/0/0 | - Giải thích được khái niệm và đặc trưng của dân tộc. Phân tích được hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc. Trình bày được CLDT của CN Mác-Lênin, TT HCM về dân tộc và quan hệ dân tộc.  - Vận dụng, phân tích vấn đề dân tộc trong TKQĐ lên CNXH ở VN | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 12 | Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  Bài tập: Vận dụng, phân tích vấn đề phát triển dân tộc ở Việt Nam, ở địa phương hiện nay.  6.2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.2.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề tôn giáo  6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay  6.3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam  6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam | 2/0/0 | - Vận dụng được vào thực tiễn xã hội, địa phương.  - Giải thích được khái niệm, bản chất, nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.  . |  |
| 13 | Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay  Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình  7.1.1. Khái niệm gia đình  7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội  7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình | 2/0/0 | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay.  - Giải thích được khái niệm, vị trí, chức năng và các hình thức gia đình trong lịch sử. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. Bài tập: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay?  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 14 | Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội  7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội  7.2.3. Cơ sở văn hóa  7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ  7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  7.3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 2/0/0 | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay.  - Giải thích được khái niệm, vị trí, chức năng và các hình thức gia đình trong lịch sử.  - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay?  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 15 | Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  - Kiểm tra tín chỉ 2 | 2/0/0 | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện | A2.2 |
| Theo lịch thi | Thi cuối kỳ |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Anh Khuyên | 2021 | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học - không chuyên LLCT) | Giáo trình nội bộ Trường ĐHQB |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Đảng Cộng sản Việt Nam | 2011 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ qúa độ lên chủ nghĩa xã hội | NXB CTQG,  Hà Nội |
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2001 | Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh | 2011 | Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | NXB Chính trị – Hành chính. |
| 5 | Hoàng Tùng | 1997 | Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tuyên ngôn khoa học và cách mạng | NXB Chính trị Quốc gia. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường A, C | máy tính, projector | *1* | *Chương 1 đến 7* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Cácđóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

**Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Nội dung  báo cáo | Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu. | Nội dung chưa phù hợp vớiyêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng. | Nội dung phù hợp với yêu cầu.  Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế. | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.  Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế. | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. | **50%** |
| Trình  bày slide | Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định | Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm3 phần | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. | **25%** |
| Thuyết  trình | Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu. | Bài trình bày đầy đủ.  Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác  với người nghe khi trình bày. | Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày. | Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu.  Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày. | Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định. | **25%** |

**Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam)**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án thiết kế sẳn.

*Quảng Bình, ngày 13 tháng 6 năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **TS. Vương Kim Thành** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên** |